

# THỜI HIỆU THỪA KẾ THEO BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

■ ThS. TRẦN THỊ HÀ\* & ThS. ĐINH QUANG TUYẾN\*\*

**Tóm tắt:** Thời hiệu thừa kế trong Bộ luật Dân sự năm 2015, về cơ bản, kế thừa các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 nhưng có một số quy định thay đổi. Thực tiễn thi hành các quy định về thời hiệu thừa kế theo Bộ luật Dân sự năm 2015 thời gian qua cho thấy, đã bộc lộ những bất cập, hạn chế cần phải có giải pháp khắc phục. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu, so sánh các quy định pháp luật về thời hiệu thừa, từ đó, đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chế định này.

**Từ khóa:** Bộ luật Dân sự; thời hiệu; thời hiệu thừa kế, quan hệ thừa kế.

Nhận bài: 07/11/2024

Hoàn thành biên tập: 25/11/2024

Duyệt đăng: 02/12/2024

## INHERITANCE STATUTE OF LIMITATIONS ACCORDING TO THE 2015 CIVIL CODE

**Abstract:** The statute of limitations for inheritance in the 2015 Civil Code basically inherits the provisions of the 2005 Civil Code, however, there are some changes. The practice of implementing the provisions on statute of limitations for inheritance under the 2015 Civil Code in recent times has shown that there have been shortcomings and limitations that need to be resolved. This study focuses on learning and comparing the legal provisions on statute of limitations, thereby making some recommendations to improve the law on this institution.

**Keywords:** Civil Code; statute of limitations; statute of limitations for inheritance, inheritance relationship.

Article received: 07/11/2024

Editing completed: 25/11/2024

Approved for publication: 02/12/2024

### Đặt vấn đề

Trong hệ thống pháp luật hiện hành, quy định về thời hiệu thừa kế có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ thừa kế. Tuy nhiên, vấn đề thời hiệu thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 còn một số bất cập, chưa thực sự phù hợp với thực tiễn. Các quy định này cần được nghiên cứu và đánh giá một cách toàn diện để xác định những điểm bất cập và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về thời hiệu thừa kế.

### 1. Khái niệm, đặc điểm thời hiệu thừa kế

Thời hiệu thừa kế là một trong các vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn nên theo thông lệ, luôn được quy định trong Bộ luật Dân sự của các quốc gia thuộc hệ thống luật thành văn.

Trong luật thực định Việt Nam, khái niệm thời hiệu thừa kế lần đầu tiên được quy định trong Pháp lệnh Thừa kế năm 1990, tiếp sau là Bộ luật Dân sự năm 2005 và được kế thừa, hoàn thiện hơn trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Ở những quy

\* Giảng viên Khoa pháp luật Dân sự - Trường Đại học Luật Hà Nội

\*\* Giảng viên Khoa luật - Học viện Thanh Thiếu niên

định trước, đều sử dụng thuật ngữ “thời hiệu khởi kiện về thừa kế”, đến Bộ luật Dân sự năm 2015 được thay thế bằng thuật ngữ “thời hiệu thừa kế”. Bởi vậy, trong hầu hết các công trình nghiên cứu trước đây (trước khi có Bộ luật Dân sự năm 2015), như trong đề tài Luận văn Thạc sỹ Luật học của tác giả Norkham Seungpathoumma hay trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường của tác giả Lê Đình Nghị (chủ nhiệm đề tài) đều không có mục từ “thời hiệu thừa kế”, mà chỉ có các mục từ “thời hiệu khởi kiện về thừa kế”<sup>1</sup> hay “thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế”<sup>2</sup>. Theo các đề tài này, thời hiệu khởi kiện thừa kế là “khoảng thời gian được xác định từ thời điểm mở thừa kế và kéo dài trong một thời hạn nhất định, mà khi kết thúc thời hạn đó, người thừa kế và những người có liên quan sẽ mất quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết những vấn đề có liên quan đến thừa kế”<sup>3</sup> hoặc “là thời hạn mà người thừa kế có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nếu thời hạn đó kết thúc, thì họ mất quyền khởi kiện”<sup>4</sup>.

Trong cuốn “Pháp luật thừa kế của Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” của tác giả Nguyễn Minh Tuấn, tuy có nhắc đến khái niệm “thời hiệu thừa kế” nhưng cũng chỉ xác định thời hiệu thừa kế “là thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án

bảo vệ quyền lợi cho mình và khi hết thời hạn quy định, các chủ thể mất quyền khởi kiện”<sup>5</sup>. Như vậy, theo các định nghĩa này, thời hiệu thừa kế được xác định là thời hiệu về khởi kiện để giải quyết những vấn đề liên quan đến thực hiện nghĩa vụ của người để lại di sản và khởi kiện để yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác.

Sau khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, khái niệm “thời hiệu thừa kế” đã được nhắc đến trong một số công trình nghiên cứu như, trong Luận văn Thạc sỹ của tác giả Bùi Bích Vân, thời hiệu thừa kế được hiểu là “khoảng thời hạn mà pháp luật quy định để chủ thể được quyền yêu cầu giải quyết các tranh chấp liên quan đến thừa kế, cũng như thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết. Khi kết thúc khoảng thời gian đó, các chủ thể mất quyền yêu cầu, có thể được hưởng hay mất quyền sở hữu di sản thừa kế, miễn trừ nghĩa vụ liên quan đến di sản thừa kế”<sup>6</sup>. Có thể thấy, định nghĩa này đã phản ánh được bản chất của thời hiệu thừa kế và sự khác biệt với các định nghĩa trước đó, đó là một khoảng thời hạn do pháp luật quy định để các chủ thể được giải quyết các tranh chấp liên quan đến thừa kế và ngoài thời hiệu khởi kiện các quyền về thừa kế, còn bao gồm cả thời hiệu xác lập quyền sở hữu đối với di sản. Tuy vậy, nội hàm của

1. Norkham Seungpathoumma (2015), “*Thừa kế dưới góc độ so sánh pháp luật Lào và pháp luật Việt Nam*”, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 18.

2. Lê Đình Nghị (chủ nhiệm đề tài) (2012), “*Nghiên cứu chế định về thừa kế nhằm góp phần sửa đổi Bộ luật Dân sự 2005*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 139.

3. Norkham Seungpathoumma, *tlđđ*, tr. 18.

4. Lê Đình Nghị, *tlđđ*, tr. 139.

5. Nguyễn Minh Tuấn (2009), “*Pháp luật về thừa kế của Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, tr. 86.

6. Bùi Bích Vân (2020), “*Thời hiệu thừa kế theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 1.

định nghĩa này cũng có phần chưa chính xác. Bởi lẽ, theo đúng bản chất, thời hiệu là một trong các yếu tố tác động đến quyền của chủ thể (quyết định việc hưởng quyền hay không) nên thời hiệu chỉ có thể do “luật” quy định, mà không phải là “pháp luật”. Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định: “Thời hiệu là thời hạn do luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý đối với chủ thể theo điều kiện do luật quy định. Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan”<sup>7</sup>. Đây là căn cứ pháp lý do luật quy định nhằm làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự ngoài ý chí của các chủ thể trong quan hệ dân sự.

Như vậy, qua nghiên cứu khía cạnh pháp lý và các nhận định trên cho thấy, thời hiệu thừa kế có thể nhận diện qua một số dấu hiệu sau:

**Một là**, thời hiệu thừa kế do luật quy định có tính chất bắt buộc với các chủ thể.

Thời hiệu thừa kế tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các chủ thể. Các chủ thể cũng không thể thỏa thuận để thay đổi về khoảng thời gian của thời hiệu trước khi có tranh chấp xảy ra. Do đó, các chủ thể trong quan hệ thừa kế phải căn cứ vào quy định của luật về thời hiệu thừa kế để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, Tòa án cũng căn cứ vào đó để làm cơ sở thụ lý, giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, có thể thấy, tính bắt buộc đối với thời hiệu thừa kế cũng chỉ mang tính tương đối. Bởi vì, Bộ luật Dân sự năm 2015 còn quy định cho chủ thể có quyền từ chối không áp dụng thời hiệu<sup>8</sup>. Thời hiệu thừa kế là một loại

thời hiệu theo quy định của luật, do đó, các chủ thể trong quan hệ thừa kế cũng có thể từ chối không áp dụng thời hiệu. Việc quy định như vậy là hợp lý, vì chủ thể trực tiếp chịu hậu quả pháp lý phát sinh từ việc áp dụng thời hiệu mới là chủ thể có quyền viện dẫn áp dụng thời hiệu khi giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, về nguyên tắc, việc tự do ý chí cũng chỉ được bảo đảm thực hiện trong khuôn khổ của pháp luật. Nếu sự tự do đó làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng, đạo đức... thì tự do đó cũng sẽ bị giới hạn. Vì vậy, luật cũng quy định về trường hợp ngoại lệ, chủ thể không được từ chối áp dụng thời hiệu, nếu việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ<sup>9</sup>.

**Hai là**, thời hiệu thừa kế được luật quy định phụ thuộc vào từng loại yêu cầu phát sinh trong quan hệ thừa kế.

Quan hệ thừa kế là một quan hệ pháp luật về tài sản nên pháp luật điều chỉnh thời hiệu phù hợp với các đặc điểm của thừa kế và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán của Nhân dân. Có thể thấy, quan hệ thừa kế có tính đặc trưng là mang yếu tố tình cảm trong chuyển dịch các giá trị văn hóa, tinh thần của gia đình, dòng tộc liên quan đến phong tục, tập quán, truyền thống của dân tộc. Do đó, quan hệ thừa kế thường làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khác nhau, không chỉ bao gồm người để lại di sản và người thừa kế, mà còn có những người có quyền với tài sản của người chết, những người quản lý di sản... Vì vậy, các nhà làm luật đã dự liệu các yêu cầu giải

7. Khoản 1 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. “Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích chôn tránh thực hiện nghĩa vụ” (khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015).

quyết tranh chấp trong quan hệ thừa kế gồm: Yêu cầu chia di sản thừa kế, yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác, yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại. Thời hiệu thừa kế không được quy định chung đối với toàn bộ yêu cầu trên, mà được quy định phù hợp với từng loại. Thời hiệu thừa kế dài hay ngắn sẽ phụ thuộc vào tính chất, đặc trưng của mỗi loại yêu cầu.

**Ba là**, thời hiệu thừa kế có tính đồng nhất với thời hiệu xác lập quyền sở hữu.

Trong hệ thống pháp luật dân sự, các chế định có vai trò, vị trí khác nhau nhưng có mối liên hệ mật thiết với nhau. Quan hệ thừa kế và quan hệ sở hữu có mối liên hệ mật thiết, quan hệ này là tiền đề xác lập quan hệ kia. Do đó, có thể thấy, thời hiệu thừa kế có tính đồng nhất với thời hiệu xác lập quyền sở hữu, bởi vì, thừa kế là một trong các căn cứ quan trọng làm phát sinh quyền sở hữu<sup>10</sup>. Ngược lại, quyền sở hữu là tiền đề làm phát sinh quan hệ thừa kế.

Như vậy, thời hiệu thừa kế là thời hạn do luật dân sự quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý đối với các chủ thể có liên quan đến quan hệ pháp luật thừa kế.

## **2. Thực trạng quy định pháp luật hiện hành về thời hiệu thừa kế**

Ở mỗi quốc gia, việc quy định thời hiệu thừa kế là khác nhau, thời gian dài hay ngắn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như điều kiện kinh tế - xã hội, hệ thống pháp luật và phong tục, tập quán của từng quốc gia. Ở Việt Nam, có thể thấy, kể từ khi Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực cho đến khi

được thay thế bằng Bộ luật Dân sự năm 2015, điều kiện kinh tế - xã hội đã có nhiều thay đổi, hệ thống pháp luật được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Mặt khác, các quyền tài sản của cá nhân đã dần dần được xác lập trên các căn cứ pháp lý với những hình thức luật định. Đây là điều kiện tốt làm căn cứ giải quyết tranh chấp phát sinh sau này. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta đang vận động Nhân dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Trong gia đình, theo tập quán của người Việt Nam, khi người bố (hoặc mẹ) chết thì người mẹ (hoặc bố) tiếp tục quản lý toàn bộ tài sản của gia đình để phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh hoặc tiêu dùng cho cả gia đình. Nếu tài sản của gia đình mà chia cho những người thừa kế thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh hoạt và tình hình sản xuất chung của gia đình. Mặt khác, hầu hết gia đình Việt Nam theo truyền thống nho giáo, các thành viên trong gia đình chịu ảnh hưởng quyền lực của người đứng đầu gia đình nên họ đoàn kết, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Xuất phát từ truyền thống tốt đẹp đó, trong gia đình thường ít xảy ra tranh chấp về tài sản. Thời hiệu thừa kế 10 năm theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 là không phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của xã hội Việt Nam. Hơn nữa, thời hiệu thừa kế là 10 năm chưa tương thích với quyền sở hữu phát sinh theo thời hiệu quy định tại Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005<sup>11</sup> đối với bất động sản là 30 năm, nếu người chiếm hữu liên tục, ngay tình, công khai. Vì vậy, để khắc phục những bất cập trong quy định về thời hiệu thừa kế theo Bộ luật Dân sự năm 2005 và nhằm bảo đảm quyền của người thừa kế và người khác liên quan đến di sản

10. Nguyễn Minh Tuấn, tldđ, tr. 22.

11. Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005.

thừa kế, phù hợp với thực tiễn, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như sau:

“1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này, thì di sản thuộc về người đang quản lý di sản đó. Trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản thì di sản được giải quyết như sau:

a) Di sản thuộc quyền sở hữu của người đang chiếm hữu theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này;

b) Di sản thuộc về Nhà nước, nếu không có người chiếm hữu quy định tại điểm a khoản này.

2. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

3. Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế”.

So với Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 bỏ cụm từ “khởi kiện” tại tiêu đề và trong nội dung điều luật, vì nội dung của Điều 623 không chỉ đề cập đến thời hiệu khởi kiện, mà còn đề cập đến thời hiệu xác lập quyền sở hữu đối với di sản của người chết để lại. Theo quy định của điều này, đã có sự thay đổi về khoảng thời gian của thời hiệu thừa kế, đồng thời bảo vệ quyền lợi cho người đang chiếm hữu một cách ngay tình, liên tục, công khai, nếu việc chiếm hữu phù hợp với quy định của pháp luật.

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về ba loại thời hiệu khởi kiện riêng biệt và khắc phục được một số bất cập, hạn chế như sau:

**Thứ nhất**, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

Bộ luật Dân sự năm 2015 đã thêm thời gian trong thời hiệu yêu cầu chia di sản đối với bất động sản (30 năm). Điều này tạo điều kiện để những người thừa kế có thể yêu cầu phân chia di sản trong khoảng thời hạn dài hơn. Bên cạnh đó, quy định này cũng phù hợp với thời hiệu xác lập quyền sở hữu do chiếm hữu, được hưởng lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản là động sản hoặc bất động sản theo Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2005<sup>12</sup>. Quy định giải quyết được hệ quả của hết thời hiệu thừa kế, không hướng theo phương án chia tài sản chung như luật quy định trước đây mà giao di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý.

**Thứ hai**, thời hiệu xác nhận hoặc bác bỏ quyền thừa kế.

Thông thường, ngoài những người được hưởng thừa kế theo di chúc thì những người được hưởng thừa kế sẽ là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng đối với người để lại di sản. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, sẽ có những người không có các căn cứ hiển nhiên như trên để được công nhận quyền thừa kế mà họ phải chứng minh mình có quyền thừa kế theo pháp luật hoặc có quyền thừa kế theo di chúc. Do đó, khi phát sinh tranh chấp giữa những người thừa kế, họ yêu cầu Tòa án công nhận quyền thừa kế của mình và thời hiệu thừa kế áp dụng trong trường hợp này. Tương tự như thời hiệu xác nhận quyền hưởng di sản thừa kế, đối với trường hợp bác bỏ quyền thừa kế của một người thừa kế cũng có thời hạn là 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Đây có thể

12. Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015.

là trường hợp người thừa kế không được hưởng di sản do vi phạm khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015<sup>13</sup>. Cũng có thể là, trường hợp người thừa kế theo pháp luật không có đủ điều kiện để thuộc diện hưởng di sản, như không có quan hệ hôn nhân, huyết thống hay quan hệ nuôi dưỡng đối với người để lại di sản.

**Thứ ba**, thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại.

Pháp luật dân sự hiện hành có những quy định về nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Điều 614 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”. Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Những người thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại”. Như vậy, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại sẽ không đương nhiên chấm dứt, mà sẽ được tiếp tục thực hiện bởi những người thừa kế. Tuy nhiên, pháp luật quy định việc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại chỉ được giới hạn trong một khoảng thời gian nhất định. Khoản 2 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “... Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế”. Quy định tại khoản 3 dành cho một chủ thể khác có quyền liên quan trong quan hệ thừa kế, ngoài người thừa kế, đó là những người có quyền yêu cầu trong quan hệ dân sự với người để lại di sản. Bên cạnh đó, có thể thấy, thời hiệu yêu cầu thực

hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại chỉ quy định đối với những người thừa kế, vì thế, có thể hiểu, nếu người có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với các chủ thể khác đang có di sản thì không áp dụng thời hiệu này.

Có thể thấy, quy định về thời hiệu khởi kiện tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 đã phần nào khắc phục được những hạn chế, bất cập so với Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các quy định này cũng mang lại nhiều lợi ích cho các chủ thể trong quan hệ thừa kế. Tuy nhiên, các quy định về thời hiệu thừa kế này có hoàn toàn phù hợp với thực tế hay không, có mâu thuẫn với các quy định khác trong Bộ luật Dân sự hay không? Liên quan đến các vấn đề này, trong một nghiên cứu đã chỉ ra 10 vướng mắc về thời hiệu thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015<sup>14</sup>. Trên cơ sở tham khảo có chọn lọc các giá trị của bài nghiên cứu, có thể tóm lược một số bất cập chính liên quan đến thời hiệu về thừa kế như sau:

**Một là**, chia di sản thành hai loại (bất động sản và động sản) để quy định hai loại thời hiệu thừa kế khác nhau là chưa hợp lý, làm phát sinh nhiều hệ quả phức tạp: (i) Di sản là một khối “toàn ngạch”, giá trị của di sản được xác định và phân chia tính trên tổng giá trị của tài sản, không phân biệt đó là động sản hay bất động sản. Nếu xác định thời hiệu riêng cho từng loại di sản như quy định này để giải quyết yêu cầu chia di sản sẽ dẫn tới nhiều vấn đề phức tạp trong việc tính toán giá trị di sản, xác định tỷ lệ trả nợ do người chết

13. Khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015.

14. Lê Minh Hùng, “10 vấn đề vướng mắc về thời hiệu thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015”, Tài liệu Hội thảo: Thời hiệu trong pháp luật Dân sự Việt Nam, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7/2020.

để lại, xác định giá trị của suất thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc...; (ii) Nếu phân định di sản thành động sản và bất động sản để tính thời hiệu khác nhau thì nhiều trường hợp dẫn tới sự bất công giữa các đồng thừa kế. Sau 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế, người quản lý động sản đã được xác lập quyền đối với phần di sản đó. Tuy nhiên, sau 10 năm, người quản lý bất động sản vẫn có thể bị kiện đòi giao trả lại di sản để phân chia cho những người thừa kế, trong đó có thể bao gồm cả người đã được hưởng thừa kế đối với phần di sản là động sản. Điều này là không công bằng giữa người quản lý bất động sản với người quản lý động sản.

**Hai là**, khó phân biệt rạch ròi giữa hai loại di sản dẫn tới nhiều khó khăn trong việc lựa chọn thời hiệu để áp dụng. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 107 Bộ luật Dân sự năm 2015, ngoài các bất động sản được liệt kê tại các điểm a, b, c của khoản 1 thì bất động sản còn bao gồm “tài sản khác theo quy định của pháp luật”. Ví dụ, quyền khai thác tài nguyên, quyền hưởng dụng trên bất động sản của người khác, quyền bề mặt, nhà ở và công trình xây dựng tạm..., áp dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 107 Bộ luật Dân sự năm 2015, càng khó nhận diện được “tài sản khác” ở đây là những tài sản gì, có đặc điểm pháp lý ra sao, theo quy định của pháp luật nào, vì quy định này không thể hiện rõ các tiêu chí, định lượng cụ thể để làm cơ sở xác định bất động sản trong số các “tài sản khác”. Cũng có nhiều trường hợp, tài sản được chuyển hóa từ động sản thành bất động sản hoặc ngược lại thì áp dụng quy định về loại thời hiệu nào để giải quyết? Có thể thấy, trong các trường hợp trên, rất khó có cơ sở để xác định chính xác đâu là động sản, đâu là bất động sản.

**Ba là**, thời hiệu phân chia di sản tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 không thể áp dụng cho di sản thờ cúng. Di sản thờ cúng là một loại di sản đặc biệt, không giống như các động sản và bất động sản thông thường nên không thể áp dụng thời hiệu phân chia di sản theo quy định chung tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, cần có quy định riêng về thời hiệu phân chia di sản thờ cúng, do: (i) Di sản thờ cúng liên quan đến di sản để lại qua nhiều đời, nhà thờ của dòng họ, nhất là di sản hương hỏa “tổ truyền”; (ii) Việc thờ cúng không thể chỉ tính theo thời gian 30 năm hay một đời người, mà phải theo tục lệ, thường kéo dài lên đến “năm đời” (theo lệ “ngũ đại mai thần chủ”); (iii) Việc chấm dứt di sản thờ cúng không dựa trên căn cứ thông thường mà cần dựa trên căn cứ riêng và không phải lúc nào cũng có thể khởi kiện yêu cầu phân chia đối với di sản thờ cúng.

**Bốn là**, quy định về thời hiệu để yêu cầu đòi thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại còn nhiều vướng mắc. Khoản 3 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế”. Nếu dựa theo bản chất của nghĩa vụ tài sản và trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại thì quy định này có nhiều điểm vướng mắc: (i) Nghĩa vụ tài sản không chỉ bao gồm nghĩa vụ tài sản do người chết còn nợ người khác trước khi chết, mà còn có thể có những khoản thanh toán khác. Theo quy định tại Điều 658 Bộ luật Dân sự 2015, có đến hơn 10 loại nghĩa vụ tài sản và các khoản thanh toán có thể phải trích từ di sản để thực hiện, trong đó có cả tiền phạt, thuế, phí luật định, chi phí cho bảo quản di sản, tiền trợ cấp cho người sống nương nhờ... Do đó, thời hiệu đòi thực hiện nghĩa vụ do

người chết để lại có bao gồm các khoản tại Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2015 hay không thì các quy định này chưa thể đưa ra câu trả lời chuẩn xác; (ii) Khái niệm nghĩa vụ tài sản trong pháp luật dân sự gồm rất nhiều nghĩa vụ khác nhau, với cách tính thời điểm bắt đầu khác nhau và thời hiệu yêu cầu cũng rất khác nhau, như: Nghĩa vụ tài sản đương nhiên chấm dứt khi người có nghĩa vụ chết (nghĩa vụ cấp dưỡng), nghĩa vụ chỉ thực hiện và chấm dứt vào một thời điểm tương lai (nghĩa vụ tương lai), nghĩa vụ chỉ phát sinh dựa vào những sự kiện pháp lý xác định (nghĩa vụ có điều kiện), nghĩa vụ phát sinh từ những hành vi vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận (trách nhiệm hợp đồng), hoặc do hành vi xâm phạm tới quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, tổ chức khác (trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng). Ví dụ, nghĩa vụ tài sản phát sinh từ hợp đồng, thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thời hiệu quy định tại Điều 588 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan. Đối với những nghĩa vụ tài sản của người chết để lại liên quan tới hiệu lực hợp đồng, hoặc liên quan tới nhân thân của người để lại di sản, hoặc phải do chính cá nhân người để lại di sản tự mình thực hiện thì hệ quả của việc người có nghĩa vụ chết rất khác nhau. Đã có những quy định tương ứng có liên quan, mà không cần phải đưa ra quy định riêng về thời hiệu độc lập như quy định tại khoản 3 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do nội dung khoản 3 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 không tương thích với sự phong phú của các loại nghĩa

vụ tài sản, hơn nữa, rất nhiều trường hợp có hệ quả pháp lý riêng hoặc có quy định riêng về thời hiệu trong chế định, lĩnh vực pháp luật riêng.

### **3. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về thời hiệu thừa kế**

*Thứ nhất*, đối với thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế: Trong bài viết “10 vướng mắc về thời hiệu thừa kế theo quy định Bộ luật Dân sự năm 2015” của luật gia Lê Minh Hùng<sup>15</sup>, giải pháp được đưa ra để hoàn thiện về thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế như sau:

- Giải pháp 1: Nếu di sản để lại thuần túy là động sản hoặc thuần túy bất động sản thì quy định về thời hiệu nói trên có thể chấp nhận được. Theo đó, nếu di sản chỉ gồm có động sản thì thời hiệu yêu cầu phân chia di sản là 10 năm; còn nếu di sản để lại là bất động sản hoặc vừa có động sản, vừa có bất động sản thì thời hiệu này là 30 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

- Giải pháp 2: Để bảo đảm sự nhất quán trong thời hiệu yêu cầu chia di sản, tránh những hệ quả phức tạp như đã phân tích, có thể gộp lại và quy định chung một loại thời hiệu thống nhất cho 02 loại di sản. Theo đó, không nên phân biệt thời hiệu dựa theo di sản là động sản hay bất động sản, mà nên quy định thời hiệu chung: “Thời hiệu yêu cầu phân chia di sản là 30 năm, từ thời điểm mở thừa kế”<sup>16</sup>.

Theo quan điểm của tác giả, việc phân định từng thời hiệu như theo giải pháp 1 chưa triệt để. Hơn nữa, xét về góc độ pháp lý thì dù là động sản hay bất động sản đều được xác định là di sản thừa kế của người chết nên cần phải được áp dụng thống nhất. Do đó, tác giả đồng tình với giải pháp 2.

15. Lê Minh Hùng, *tlđđ*.

16. Lê Minh Hùng, *tlđđ*.



*Thứ hai*, đối với thời hiệu phân chia di sản áp dụng cho di sản thờ cúng: Công trình khoa học nêu trên đưa ra kiến nghị cần có quy định riêng về thời hiệu cho di sản thờ cúng, theo đó, nên quy định loại trừ áp dụng thời hiệu cho trường hợp này như sau: “Thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 không áp dụng để yêu cầu phân chia di sản dùng vào việc thờ cúng”<sup>17</sup>.

Tác giả đồng tình với quan điểm trên và cho rằng, việc áp dụng thời hiệu yêu cầu chia di sản tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với di sản thờ cúng chưa thực sự phù hợp. Tuy vậy, giải pháp trên cũng chưa xây dựng phương án cụ thể đối với thời hiệu phân chia di sản dùng vào việc thờ cúng.

Theo quan điểm của tác giả, ngay khi người để lại di sản thừa kế chết thì việc thờ cúng đã được đặt ra. Do đó, thời điểm bắt đầu xác định thời hiệu khởi kiện phân chia di sản dùng vào việc thờ cúng là kể từ thời điểm mở thừa kế. Còn thời điểm kết thúc thời hiệu khởi kiện phân chia di sản dùng vào việc thờ cúng cần được xác định theo phong tục, tập quán thờ cúng tại mỗi vùng miền, địa phương để bảo đảm việc duy trì hương hỏa, thờ cúng cho người chết.

Các quy định chung về thời hiệu và các quy định riêng về thời hiệu trong từng loại quan hệ là những căn cứ pháp lý quan trọng để giải quyết các tranh chấp trên thực tế.

**Kết luận**

Qua việc phân tích cơ sở lý luận và thực trạng quy định pháp luật về thời hiệu thừa kế trong Bộ luật Dân sự năm 2015, có thể thấy rằng, còn một số điểm bất cập và hạn chế cần được khắc phục.

Một số quy định hiện hành chưa thực sự phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, gây khó khăn cho việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ thừa kế. Do đó, cần thiết phải có những điều chỉnh và bổ sung hợp lý nhằm hoàn thiện quy định pháp luật, bảo đảm tính công bằng và hiệu quả trong việc áp dụng □

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lê Minh Hùng, “10 vấn đề vướng mắc về thời hiệu thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015”, Tài liệu Hội thảo: Thời hiệu trong pháp luật Dân sự Việt Nam, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7/2020.
2. Lê Đình Nghị (Chủ nhiệm đề tài) (2012), “Nghiên cứu chế định về thừa kế nhằm góp phần sửa đổi Bộ luật Dân sự năm 2005”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
3. Norkham Seungpathoumma (2015), “Thừa kế dưới góc độ so sánh pháp luật Lào và pháp luật Việt Nam”, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
4. Nguyễn Minh Tuấn (2009), “Pháp luật về thừa kế của Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
5. Bùi Bích Vân (2020), “Thời hiệu thừa kế theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 1.
6. Tạ Đình Tuyên, “Quy định mới về thời hiệu thừa kế theo Bộ luật Dân sự năm 2015 và pháp luật tố tụng dân sự có liên quan”, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2199>, truy cập ngày 11/11/2024.

17. Lê Minh Hùng, *tlđđ*.